

Bản án số: 56/2018/KDTM-PT
Ngày: 16/01/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng thiết kế
thi công.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phong

Các Thẩm phán:

Bà Hà Thanh Thủy

Ông Ngô Thanh Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Châu Hiệp Phát – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và ngày 16 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 114/2017/TLPT- KDTM ngày 24 tháng 10 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng thiết kế thi công”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 77/2017/KDTM-ST ngày 28 tháng 8 năm 2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2727/2017/QĐ-PT ngày 27/11/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7306/2017/QĐ – PT ngày 25/12/2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S

Địa chỉ: 38 đường L, Phường 6, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:

1. Bà Lê Thị Thùy L, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: 31 đường Ti, thành phố H, tỉnh T.

2. Bà Đỗ Lê Ngọc H, sinh năm 1994 (có mặt)

Địa chỉ: 319 đường T, phường L, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.

Là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 21/7/2017.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Ngọc T (có mặt), là Luật sư của Công ty Luật TNHH P và Các cộng sự, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Công ty Cổ phần H

Trụ sở: 02-04 Đường số 9, khu đô thị mới H, phường T, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Đào Quang H, sinh năm 1978 (có mặt), địa chỉ: 168 Khu phố 1, phường A, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, là đại diện theo ủy quyền theo Giấy ủy quyền ngày 28/4/2016.

Người kháng cáo: Bị đơn - Công ty Cổ phần H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án và quyết định của Bản án sơ thẩm như sau:

Tại Đơn khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S và lời trình của đại diện hợp pháp của nguyên đơn như sau:

Ngày 30 tháng 7 năm 2014, Công ty Cổ phần H (sau đây viết tắt là Công ty H) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 495/2014/HĐKT với Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S (sau đây viết tắt là Công ty S) để yêu cầu Công ty S thực hiện các công việc sau: Tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán (1); Thiết kế nội thất Pavilion cho khu vui chơi giải trí tại Trung tâm thương mại A1, quận L, thành phố Hà Nội (2); Tổng giá trị hợp đồng là 1.430.000.000đồng (bao gồm thuế giá trị gia tăng), trong đó: Chi phí lập thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán là 1.045.000.000đồng (1) và Chi phí thiết kế nội thất Pavilion là 385.000.000đồng (2).

Hợp đồng được thanh toán trong 05 đợt như sau:

- Đợt 1: Trong vòng 10 ngày sau khi ký Hợp đồng, Công ty H tạm ứng cho Công ty S 30% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền là 429.000.000đồng.

- Đợt 2: Trong vòng 07 ngày sau khi Công ty S bàn giao hồ sơ theo điều 5.2.1 (lần 2), Công ty H thanh toán tiếp 30% chi phí lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán cho Công ty S, tương ứng số tiền là 313.500.000đồng.

- Đợt 3: Trong vòng 07 ngày sau khi Công ty S bàn giao cho Công ty H hồ sơ theo điều 5.2.1 (lần 3), Công ty H thanh toán cho Công ty S 30% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền là 429.000.000đồng.

- Đợt 4: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày Công ty S bàn giao cho Công ty H hồ sơ thiết kế nội thất theo điều 5.2.2 (lần 2), Công ty H sẽ thanh toán cho Công ty S 30% chi phí thiết kế nội thất Pavilion, tương ứng với số tiền là 115.500.000đồng.

- Đợt 5: Sau khi công trình hoàn thành được nghiệm thu hoặc không quá 12 tháng kể từ ngày ký kết Hợp đồng, Công ty H thanh toán 10% giá trị hợp đồng còn lại cho Công ty S, tương ứng với số tiền là 143.000.000đồng.

Ngày 08 tháng 12 năm 2014, Công ty S và Công ty H tiến hành nghiệm thu hồ sơ thiết kế cơ sở. Theo Biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế cơ sở đã ghi nhận

hai bên nhất trí nghiệm thu hồ sơ thiết kế cơ sở công trình V Hà Nội, với phần đánh giá hồ sơ thiết kế như sau:

Về chất lượng hồ sơ thiết kế cơ sở: Phù hợp với nội dung yêu cầu của chủ đầu tư; Tuân thủ quy chuẩn xây dựng, tiêu chuẩn hiện hành; Công trình được thiết kế đảm bảo an toàn trong quá trình xây dựng và sử dụng công trình; Thỏa mãn các điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn giao thông và các yếu tố có liên quan.

Về khối lượng công việc: Thực hiện đúng theo hợp đồng số 495/2014/HĐKT ngày 30 tháng 7 năm 2014 giữa Công ty H với Công ty S.

Về hình thức số lượng hồ sơ: 03 bộ bản vẽ thiết kế cơ sở A2.

Ngày 04 tháng 5 năm 2015, Công ty S đã bàn giao cho Công ty H toàn bộ các hồ sơ bản chính như sau: Hồ sơ TKBVTC (số lượng 02 bộ, khổ giấy A2, bản chính); Hồ sơ TKBVTC (số lượng 01 bộ, khổ giấy A3, bản chính); Hồ sơ tổng dự toán kinh phí (số lượng 02 bộ, khổ giấy A4, bản chính); Hồ sơ thuyết minh thiết kế kỹ thuật, phụ lục tính toán kết cấu (số lượng 03 bộ, khổ giấy A4, bản chính); Hồ sơ TKBVTC thiết kế nội thất (số lượng 02 bộ, khổ giấy A3, bản chính); Đĩa CD chứa dữ liệu TKBVTC, Thiết kế nội thất (số lượng 02 đĩa CD); Biên bản nghiệm thu hồ sơ (số lượng 04 bản, khổ giấy A4, bản chính). Như vậy, tính đến ngày 04 tháng 5 năm 2015 Công ty S đã bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu theo hợp đồng 495/2014/HĐKT ngày 30 tháng 7 năm 2014 cho Công ty H.

Tuy nhiên, tính đến ngày 04 tháng 5 năm 2015, Công ty H chỉ mới thanh toán được cho Công ty S hai đợt tiền bao gồm:

- Đợt 1: Tạm ứng 30% giá trị hợp đồng, tương ứng số tiền là 429.000.000đồng vào ngày 20 tháng 8 năm 2014;

- Đợt 2: Thanh toán 30% chi phí lập hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán, tương ứng số tiền là 313.500.000đồng vào ngày 23 tháng 12 năm 2014.

Sau khi đã nhận toàn bộ các bản vẽ từ Công ty S, Công ty H vẫn chưa thanh toán các đợt tiền còn nợ lại cho Công ty S, nên Công ty S đã gửi các Công văn số 28/CV-S-2015 ngày 27/5/2015 và Công văn số 43/CV-S-2015 ngày 07/7/2015 yêu cầu Công ty H phải có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S số tiền nợ đợt 3, đợt 4, đợt 5 của hợp đồng 495/2014/HĐKT ngày 30 tháng 7 năm 2014, tổng cộng là 687.500.000đồng. Nhưng cho đến tháng 10 năm 2016, Công ty S vẫn không nhận được thêm bất kỳ khoản thanh toán nào hoặc ý kiến phản hồi nào từ Công ty H.

Do vậy, Công ty S khởi kiện yêu cầu Công ty H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty S số tiền 963.968.500đồng, trong đó tiền nợ là 687.500.000đồng (tiền nợ đợt 3, đợt 4, đợt 5 của hợp đồng số 495/2014/HĐKT ngày 30 tháng 7 năm 2014) + tiền lãi là 276.468.500đồng (tiền lãi phát sinh tính theo mức lãi 0,05%/ngày theo quy định tại điều 15 của Hợp đồng số 495/2014/HĐKT ngày 30 tháng 7 năm 2014, tính từ tháng 01/10/2015 đến ngày 22/8/2017). Yêu cầu

Công ty H thanh toán số tiền 963.968.500đồng một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bị đơn là Công ty H có ông Đào Quang H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty H triển khai dự án xây dựng V Hà Nội, tại Trung tâm thương mại Al, quận L, thành phố Hà Nội.

Ngày 30 tháng 7 năm 2014, Công ty H có ký hợp đồng kinh tế số 495/2014/HĐKT với Công ty S, nội dung hợp đồng là: Công ty S thực hiện các công việc cho Công ty H theo điều 2, điều 4 của hợp đồng là tư vấn thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán, Thiết kế nội thất.

Tổng trị giá của hợp đồng là 1.430.000.000đồng (một tỷ bốn trăm ba mươi triệu đồng), đã bao gồm VAT. Trong đó: Lập thiết kế bản vẽ thi công và lập tổng dự toán là 1.045.000.000đồng (1); Thiết kế nội thất là 385.000.000đồng (2). Sau khi ký hợp đồng, Công ty H đã thanh toán cho Công ty S hai đợt tiền với tổng số tiền là 742.500.000đồng (đợt 1 thanh toán số tiền 429.000.000đồng, đợt 2 thanh toán số tiền 315.500.000đồng) như phía nguyên đơn trình bày.

Do trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty S thực hiện không đúng nội dung hợp đồng đã ký kết, đến khi hạn hợp đồng hết hiệu lực (tức tháng 01 năm 2015, theo hợp đồng thì tổng thời gian thực hiện của Công ty S là 125 ngày nhưng Công ty S vẫn chưa hoàn tất công việc tư vấn thiết kế của mình như thỏa thuận của Hợp đồng 495/2014/HĐKT, cụ thể:

- Căn cứ theo điều 2, thì Công ty S chưa giao đủ hồ sơ bản vẽ thiết kế, bản dự toán đĩa CD, các bản thuyết minh cho Công ty H.

- Căn cứ theo điều 4, thì Công ty S bàn giao hồ sơ cho Công ty H không đủ và đúng số lượng, kích cỡ bản vẽ như các mục quy định. Nếu căn cứ vào biên bản nghiệm thu ngày 08/12/2014, thì Công ty S mới bàn giao cho bên Công ty H được 3 bộ bản vẽ thiết kế cơ sở A2, tức chỉ mới một phần của điều 4 mà hợp đồng số 495/2014/HĐKT đã ký kết giữa hai bên, nên Công ty H dừng việc thanh toán số tiền còn lại theo hợp đồng số 495/2014/HĐKT.

- Căn cứ theo điều 5, thì Công ty S vi phạm thời hạn bàn giao hồ sơ bản vẽ thiết kế, vì tổng thời gian theo hợp đồng quy định là 125 ngày, nếu căn cứ vào biên bản nghiệm thu ngày 08/12/2014 thì Hợp đồng số 495/2014/HĐKT đã hết hiệu lực từ tháng 01 năm 2015. Do sau tháng 01 năm 2015, hợp đồng hết hiệu lực nên không ai quan tâm hoặc chỉnh sửa bản vẽ, không tiến hành nghiệm thu nữa. Nếu nguyên đơn trình bày lý do là điều chỉnh bản vẽ thiết kế theo yêu cầu của Công ty H thì căn cứ điều 2 của hợp đồng phải có xác nhận bằng văn bản từ hai bên.

Do Công ty S vi phạm điều 2, điều 4 và điều 5 của hợp đồng nên đề nghị Tòa án căn cứ theo Hợp đồng số 495/2014/HĐKT ngày 30/7/2017 để xét xử.

Tại Bản án số 77/2017/KDTM-ST ngày 28/8/2017 của Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S:

Buộc Công ty Cổ phần H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S số tiền nợ đợt 3, đợt 4, đợt 5 của Hợp đồng kinh tế số 495/2014/HĐKT ngày 30/7/2014, tổng cộng là 687.500.000đồng (Sáu trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng), trả ngay một lần ngay sau khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp Công ty Cổ phần H không thi hành án thì phải trả lãi theo lãi suất chậm thanh toán theo quy định tại Điều 306 của Luật Thương mại cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

Không chấp nhận đối với yêu cầu tính lãi chậm thanh toán theo điều 15 của hợp đồng với lãi suất 0.05%/ngày tạm tính đến ngày 22/8/2017 của Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S tương ứng số tiền là 276.468.500đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/9/2017, Tòa án nhân dân Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh nhận được Đơn đề ngày 29/8/2017 về việc kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm nêu trên của Công ty H.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn - Công ty H có ông Đào Quang H là đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty H thừa nhận đại diện theo pháp luật của Công ty H đã thực hiện nghiệm thu hồ sơ thiết kế cơ sở từ ngày 22/11/2014 đến ngày 08/12/2014 nhưng không thừa nhận tất cả các biên bản bàn giao do Công ty S xuất trình, trong đó có cả bộ hồ sơ thiết kế đã được bàn giao theo biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế cơ sở ngày 08/12/2014 nêu trên vì các biên bản bàn giao này đều do các nhân viên của Công ty H là các ông Nguyễn Tam T, Nguyễn Quốc T, Nguyễn Huy Đ và bà Trần Phạm Quỳnh Anh ký nhận. Công ty H thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm đã yêu cầu phía Công ty H cung cấp địa chỉ của những nhân viên nêu trên nhưng đến nay phía Công ty H chưa cung cấp được.

Đối với bộ hồ sơ bàn giao theo Biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế cơ sở ngày 08/12/2014, đại diện theo ủy quyền của Công ty H không xác định được phía Công ty H đã nhận bàn giao bộ hồ sơ thiết kế cơ sở này theo cách thức nào, chỉ biết là người đại diện theo pháp luật của Công ty H ký xác nhận.

Công ty H đã từng gửi văn bản đề nghị dừng thiết kế nhưng Công ty S không ký nhận.

Việc Công ty S giao thiếu, không đúng khổ giấy in bản vẽ thiết kế là không thực hiện đúng hợp đồng, không phù hợp quy định tại Điều 526 của Bộ luật Dân

sự năm 2005 quy định về tiếp tục thực hiện hợp đồng dịch vụ nên Công ty H không đồng ý thanh toán số tiền còn lại cho Công ty S như yêu cầu khởi kiện của Công ty S.

Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Công ty H, sửa án sơ thẩm và không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Nguyên đơn – Công ty S có bà Lê Thị Thùy L và bà Đỗ Lê Ngọc H đại diện theo ủy quyền trình bày:

Công ty S đã thực hiện và bàn giao hồ sơ bản vẽ thiết kế sơ bộ và thiết kế cơ sở theo biên bản nghiệm thu đã được Công ty H xác nhận ngày 08/12/2014 và các biên bản giao toàn bộ hồ sơ cho đến ngày 04/5/2015. Theo hợp đồng thì thời hạn thực hiện hợp đồng là 125 ngày, không tính ngày thứ bảy, chủ nhật, thời gian chủ đầu tư hiệu chỉnh xét duyệt hồ sơ nhưng Công ty S đã thực hiện hợp đồng trong 101 ngày.

Công ty H đã rất nhiều lần đề xuất thay đổi, hiệu chỉnh phương thức thực hiện các bản thiết kế, điều này được thể hiện qua các email do ông Nguyễn Tam T (nhân viên Công ty H) gửi đến ông Nguyễn Minh Xuân Tr (Công ty S) trong các ngày 30/9/2014, 29/10/2014, 09/02/2015, 23/01/2015, 03/02/2015, 09/02/2015, 11/02/2015...

Sau khi đáp ứng các yêu cầu hiệu chỉnh của Công ty H, lần lượt vào ngày 13/02/2015, ngày 16/3/2015 và ngày 30/3/2015, Công ty S đã tiến hành bàn giao các bản thiết kế phối cảnh, thiết kế bản vẽ thi công và thiết kế nội thất cho Công ty H (Biên bản bàn giao ngày 13/02/2015, ngày 16/3/2015 và ngày 30/3/2015). Cuối cùng vào ngày 04/5/2015, Công ty S đã hoàn tất công việc và bàn giao hồ sơ cho Công ty H (*Biên bản giao ngày 04/5/2015*).

Đối chiếu biên bản nghiệm thu, các biên bản bàn giao hồ sơ giữa hai bên thì Công ty S chỉ giao không đúng kích thước 03 hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công khổ A1 (giao 02 bộ A2 và 01 bộ A3) và thiếu 01 đĩa CD (03 bộ giao 02 bộ). Việc giao không đúng kích thước bản vẽ và thiếu 01 bộ CD nêu trên cũng không thấy Công ty H phản hồi.

Thực tế, sản phẩm mà Công ty H yêu cầu Công ty S cung cấp không phải là hàng hóa đơn thuần mà là các ý tưởng thiết kế. Những ý tưởng thiết kế này được phác thảo trên giấy tờ hoặc phần mềm máy tính để truyền đạt đến Công ty H. Dù về mặt hình thức, một số bản vẽ do Công ty S bàn giao chưa trùng khớp với số lượng in ấn và chênh lệch kích thước khổ giấy như thỏa thuận (có một số bản vẽ được in ra nhiều hơn so với thỏa thuận, điều này là có lợi cho Công ty H), nhưng về mặt nội dung thì Công ty S đã thực hiện xong toàn bộ các công việc theo Hợp đồng cũng như các ý tưởng thiết kế đã được truyền đạt đến Công ty H một cách trọn vẹn.

Do vậy, Công ty S yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Trần Ngọc T trình bày và phát biểu ý kiến tranh luận:

Công ty S đã thực hiện đúng hợp đồng nhưng phía Công ty H cố tình không hợp tác gây khó khăn kéo dài việc giải quyết vụ án. Tại Bản tự khai đề ngày 29/02/2016 của Công ty H trình nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm, Công ty H đã có xác nhận rằng “Trên thực tế, Công ty S đã thực hiện phần lớn nội dung của hợp đồng; đồng thời đề nghị thanh toán cho Công ty S ½ số tiền còn lại trong số khoản tiền gốc 685.000.000đồng của 03 đợt còn lại, tương đương 342.750.000đồng”. Chứng tỏ Công ty H thừa nhận nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng.

Căn cứ vào Điều 5.2.2 của Hợp Đồng quy định: “Sau 15 ngày kể từ khi bên B giao hồ sơ mà Bên A không có ý kiến hoặc thông báo bằng văn bản thì Bên B sẽ hiểu là hồ sơ được Bên A chấp nhận và nghiệm thu”.

Theo biên bản nghiệm thu, biên bản giao nhận hồ sơ, các email trao đổi giữa hai bên như đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày nêu trên có đầy đủ cơ sở để hiểu rằng Công ty H đã đồng ý nghiệm thu toàn bộ các sản phẩm do Công ty S bàn giao. Mặc dù một số tài liệu, bản vẽ được bàn giao có vài điểm chênh lệch về hình thức nhưng về nội dung công việc thì Sagen đã hoàn thành và bàn giao đầy đủ tài liệu, hồ sơ theo đúng quy định tại Hợp Đồng.

Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện Kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm:

Về tố tụng: Quá trình từ thụ lý cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự tố tụng; các đương sự đã chấp hành đúng pháp luật và có ủy quyền hợp lệ theo các quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Đơn kháng cáo của bị đơn hợp lệ và trong thời hạn kháng cáo.

Về nội dung: Xét thấy, theo hợp đồng kinh tế thì hai bên đều không cử người trực tiếp giao dịch, thực hiện hợp đồng. Phía Công ty H thừa nhận các nhân viên đã ký các biên bản giao nhận hồ sơ thiết kế do phía Công ty S cung cấp là nhân viên của Công ty H nhưng không thừa nhận tất cả biên bản giao nhận này kể cả biên bản giao nhận đối với bộ hồ sơ thiết kế mà theo nguyên đơn chứng minh đã giao theo bản biên bản nghiệm thu đã được Công ty H xác nhận là không phù hợp.

Căn cứ biên bản nghiệm thu, biên bản giao nhận, các email trao đổi giữa phía Công ty S và Công ty H trong suốt quá trình thực hiện hợp đồng có cơ sở xác định Công ty S đã thực hiện cơ bản nội dung hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc Công ty H thanh toán số tiền phải thanh toán còn lại theo hợp đồng là có cơ sở pháp lý.

Mặc dù phía Công ty H không có ý kiến phản hồi đối với việc thực hiện hợp đồng của Công ty S nhưng Công ty S thừa nhận có giao không đúng kích thước khổ giấy bản vẽ thiết kế và thiếu số lượng CD thiết kế là chưa đầy đủ hồ

sơ theo hợp đồng nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về số tiền lãi chậm thanh toán là có cơ sở.

Do vậy, việc kháng cáo của Công ty H không có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Đơn và thủ tục kháng cáo của đương sự hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn – Công ty H, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

Tại điều 7 của Hợp đồng kinh tế số 495/2014/HĐKT ngày 30/7/2014 giữa Công ty S và Công ty H có thỏa thuận việc thanh toán chia làm 05 đợt, cụ thể:

Đợt 1: Trong vòng 10 ngày kể từ sau ngày ký hợp đồng.

Đợt 2: Trong vòng 07 ngày sau khi bên B (Công ty S) bàn giao hồ sơ cho bên A (Công ty H) theo Điều 5.2.1 (hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và tổng dự toán)...

Đợt 3: Trong vòng 07 ngày sau khi bên B bàn giao cho bên A hồ sơ theo Điều 5.2.1 (...).

Đợt 4: Trong vòng 07 ngày kể từ ngày bên B bàn giao hồ sơ thiết kế nội thất theo Điều 5.2.2. Công trình hoàn thành và hồ sơ thanh toán là hóa đơn thanh toán và biên bản nghiệm thu.

Đợt 5: Sau khi công trình hoàn thành được nghiệm thu hoặc không quá 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng.

Thực hiện hợp đồng, Công ty H đã thanh toán được đợt 1, đợt 2 và chưa thanh toán đợt 3, đợt 4 và đợt 5.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Công ty S, buộc Công ty H thanh toán số tiền 03 đợt còn lại theo hợp đồng và không chấp nhận phần yêu cầu của Công ty S đối với phần tiền lãi do chậm thực hiện thanh toán.

Theo hợp đồng và thực tế thực hiện hợp đồng thì hai bên đương sự không có văn bản xác định cụ thể người trực tiếp giao dịch, trao đổi trước và trong quá trình thực hiện hợp đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ như: các email

được khởi in từ email đã được hai Công ty đăng ký sử dụng từ ngày 19/8/2014 đến ngày 11/02/2015, với nội dung trao đổi việc thực hiện hợp đồng, điều chỉnh thiết kế và các Biên bản giao hồ sơ thiết kế từ ngày 13/02/2015 đến ngày 05/4/2015 giữa nhân viên Công ty S và các nhân viên của Công ty H như ông Nguyễn Tam T, ông Nguyễn Huy Đ, bà Nguyễn Thị Quỳnh A, ông Nguyễn Quốc T, cùng với Biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế ngày 08/12/2014 do đại diện theo pháp luật của Công ty H xác nhận Công ty S đã “Thực hiện phù hợp với nội dung yêu cầu của chủ đầu tư, tuân thủ quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, công trình được thiết kế đảm bảo an toàn trong quá trình xây dựng và sử dụng công trình, thỏa mãn các điều kiện về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy, nổ, an toàn lao động, an toàn giao thông và các yêu cầu liên quan và khối lượng công việc như sau: Thực hiện theo đúng Hợp đồng số 485/2014/HĐ ngày 30/7/2014...” do Công ty S cung cấp và được Công ty H thừa nhận thể hiện Công ty S đã thực hiện nội dung công việc và đã bàn giao hồ sơ bản vẽ thiết kế cho Công ty S theo nội dung và thời hạn hợp đồng đã ký kết.

Xét thấy, tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của Công ty H phủ nhận tất cả biên bản bàn giao hồ sơ do Công ty S cung cấp vì cho rằng tất cả các biên bản này đều do nhân viên của Công ty H ký nhận, kể cả biên bản bàn giao hồ sơ trong đó có bộ hồ sơ thiết kế đã được đại diện theo pháp luật của Công ty H xác nhận tại Biên bản nghiệm thu hồ sơ thiết kế ngày 08/12/2014 là không nhất quán, không phù hợp các tài liệu, chứng cứ và tình tiết khách quan khác trong hồ sơ vụ án.

Phần khác, tại điều 5.2.2 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận: Sau 15 ngày kể từ ngày từ khi Công ty S bàn giao hồ sơ mà bên Công ty H không có ý kiến hoặc thông báo bằng văn bản thì Công ty S sẽ hiểu là hồ sơ được Công ty H chấp nhận và nghiệm thu... Tại điều 7 của Hợp đồng các bên có thỏa thuận thời hạn thanh toán đợt 5 là sau khi công trình hoàn thành được nghiệm thu hoặc không quá 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng... Thực tế, đến nay đã quá 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng và phía Công ty H không có tài liệu chứng cứ chứng minh có ý kiến phản đối hoặc ý kiến ngưng thực hiện hợp đồng với Công ty S. Đồng thời, đại diện theo ủy quyền của Công ty H và theo Công văn phúc đáp số 1428/UBND – VP ngày 13/7/2017 của Ủy ban nhân dân quận Long Biên, thành phố Hà Nội thì dự án thực hiện theo hợp đồng vẫn chưa được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, chưa triển khai.

Việc Công ty S giao hồ sơ bản vẽ thiết kế chưa đúng theo kích thước khổ giấy và thiếu số lượng đĩa CD thuyết minh là có thiếu sót về số lượng nhưng về nội dung thì Công ty H đã tiếp nhận đầy đủ nội dung công việc mà Công ty S phải thực hiện theo hợp đồng.

Do vậy, xét thấy việc Công ty H kháng cáo nêu rằng tất cả biên bản bàn giao hồ sơ của Công ty S đều do nhân viên của Công ty H ký nhận, Công ty H đã gửi văn bản tạm ngưng hợp đồng, Công ty S bàn giao không đúng, không đủ số lượng hồ sơ thiết kế và vi phạm dẫn quy định tại Điều 526 của Bộ luật Dân sự

năm 2005 về tiếp tục thực hiện hợp đồng để yêu cầu không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có cơ sở pháp lý.

Tòa án cấp sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty S, buộc Công ty H thanh toán số tiền của 03 đợt thanh toán còn lại theo hợp đồng là có căn cứ, phù hợp quy định tại Điều 280, Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Điều 688 của Bộ Luật Dân sự năm 2015. Đối với phần Công ty S yêu cầu Công ty H trả tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán không được Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận là phù hợp và Công ty S cũng không kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không cần phân tích thêm.

Với nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không chấp nhận kháng cáo của Công ty H, giữ nguyên bản án sơ thẩm như ý kiến của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Về án phí:

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty H chịu án phí tương ứng phần yêu cầu của Công ty S được chấp nhận. Công ty S phải chịu án phí tương ứng phần yêu cầu không được chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Pháp lệnh lệ phí, án phí Tòa án năm 2009 và Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Do giữ nguyên bản án sơ thẩm nên Công ty H phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định tại Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, Điều 147, Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 3, Điều 111, Điều 113, Điều 114 Luật Xây dựng;

Căn cứ Điều 280, Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự;

Căn cứ Pháp Lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009;

Căn cứ Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S:

Buộc Công ty Cổ phần H phải thanh toán cho Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S số tiền nợ đợt 3, đợt 4, đợt 5 của Hợp đồng kinh tế số 495/2014/HĐKT ngày 30/7/2014, tổng cộng là 687.500.000đồng (Sáu trăm tám mươi bảy triệu năm trăm nghìn đồng).

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Không chấp nhận đối với phần Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S yêu cầu Công ty Cổ phần H trả số tiền lãi 276.468.500đồng (Hai trăm bảy mươi sáu triệu bốn trăm sáu mươi tám ngàn năm trăm đồng) do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Kể từ ngày Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần H chưa thi hành hoặc thi hành không đầy đủ số tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty Cổ phần H phải chịu án phí sơ thẩm là 31.500.000đồng (Ba mươi một triệu năm trăm ngàn đồng).

Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S phải chịu án phí sơ thẩm là 13.823.425đồng (Mười ba triệu tám trăm hai mươi ba ngàn bốn trăm hai mươi lăm đồng), được căn trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.728.120đồng theo biên lai thu số 0009795 ngày 14/12/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Xây dựng S được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí chênh lệch còn lại là 2.904.695đồng (Hai triệu chín trăm lẻ bốn ngàn sáu trăm chín mươi lăm đồng).

+ Án phí phúc thẩm về kinh doanh thương mại:

Công ty Cổ phần H phải chịu 2.000.000đồng nhưng (Hai triệu đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0024346 ngày 27/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân Cấp cao tại TPHCM;
- Viện Kiểm sát nhân dân TPHCM;
- Tòa án nhân dân Quận 7;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (17).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phong